

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày 29-5-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Sửu

2. Bà Nguyễn Thị Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Yển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 02 năm 2018 về vụ việc: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Hồng C. Địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T. Địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (theo giấy ủy quyền ngày 18 tháng 01 năm 2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H. Địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2019 của ông Vũ Hồng C, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/02/2019 và ở các bản khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Vào ngày 27/4/2015 bà Trần Thị H ở Xóm Đ, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La có đến nhà vợ chồng bà vay số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng chẵn), không tính lãi xuất, giữa chồng bà là ông Vũ Hồng C và bà H có thỏa thuận với nhau là kể từ ngày 01/01/2016, bà H sẽ trả cho gia đình bà qua lương mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), lúc vay giữa chồng bà là ông Vũ Hồng C và bà Trần Thị H có lập giấy nhận vay tiền với nhau và bà H ký vào giấy biên nhận vay tiền. Khi đến hạn trả nợ bà H đã trả cho gia đình bà được 03 lần, cụ thể: Ngày 30/3/2016 trả 1.000.000đ (một triệu đồng chẵn), ngày 08/4/2016 trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng chẵn), ngày 13/5/2016 trả số tiền là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Tổng cộng bà H đã trả cho gia đình bà 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), còn lại số tiền là 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng) đã nhiều lần gia đình bà đến đòi nhưng bà H cố tình không trả số tiền trên. Cuối năm 2017 vợ chồng bà có đòi bà H số tiền trên, đến tháng 3/2018 bà có gửi đơn ra Ban giám hiệu nhà trường nơi bà H công tác nhưng bà H không đồng ý hòa giải. Do đó, vợ chồng bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho gia đình bà số tiền 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày và đề nghị: Năm 2015 (ngày, tháng bà không nhớ), bà có vay tiền của ông Vũ Hồng C với số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), lãi của số tiền gốc bà đã trả được, còn lãi thì bà không trả được, sau đó bà Nguyễn Thị Kim T là vợ ông C đã gọi bà xuống nhà làm giấy tờ với số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến năm 2016 bà hẹn trả hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bà đã 03 lần trả cho ông C được số tiền là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), đến tháng 6/2016 do bà lấy lương chậm và bà T vợ ông C vào nhà bà có thái độ chửi bới bà thậm tệ và một hai lần nữa bà T cũng có thái độ như vậy với bà. Bà cũng nói với bà T là bà sẽ trả nhưng do bà T có chửi bà nên bà không trả số tiền còn lại và bà cũng đã nói ông C là do bà T chửi bới, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà nên bà H không trả số tiền còn nợ, bà T phải đền danh dự cho bà thì bà mới trả số tiền còn nợ là 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng), bà xác nhận là có nợ vợ chồng ông C và bà T số tiền là 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Việc bà T chửi bới bà chỉ có người đi đường nhìn thấy chứ không có chứng cứ gì, có ông H có nghe thấy bà T chửi bà, sau đó bà cũng gọi điện báo với ông T là hiệu trưởng nhà trường nơi bà T công tác. Còn đối với số tiền mà vay từ 8.000.000đ (Tám triệu đồng) lên đến 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thì bà không có chứng cứ hay sổ sách gì, khi vay tiền bà T chỉ ghi vào sổ sách của bà T mà thôi, việc này có bà Nguyễn Thị A biết sự việc trên. Nay vợ chồng ông C và bà T yêu cầu bà trả số tiền 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng) bà không nhất trí trả với lý do là bà T đã chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong

quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng; Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án tiến hành đúng nhiệm vụ của Thư ký theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy: Việc vay nợ giữa bà H và ông bà C, T là có thật. Căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền có chữ ký xác nhận của các bên, tại các bản tự khai các đương sự cũng xác nhận việc vay tiền trên. Sau khi bà H đã trả tiền được 03 lần thì còn nợ lại gia đình ông Vũ Hồng C số tiền 17.200.000 đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Bà H cho rằng số tiền vay nợ trên phát sinh từ số lãi suất bà chậm trả từ lần vay trước đó, bà T sau đó đã đến đòi tiền và có hành vi xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm của bà nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh sự việc trên. Do vậy lời khai của bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện ông bà C, T là có căn cứ. Do vậy cần chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Vũ Hồng C, buộc bà Trần Thị H phải trả số tiền 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Ông bà C, T không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự là 860.000 đồng (Tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Vũ Hồng C là nguyên đơn trong vụ án là chồng của bà Nguyễn Thị Kim T do sức khỏe không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết việc tranh chấp giữa hai bên nên đã ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Việc ủy quyền trên đã thực hiện đúng thủ tục theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận việc ủy quyền trên.

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ khác xác định ông Vũ Hồng C và bà Trần Thị H có xác lập giao dịch dân sự hợp đồng vay tài sản (vay tiền), nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa hai bên. Khi một bên không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ và xảy ra tranh chấp. Tòa án xác định quan hệ pháp luật đang giải quyết này là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. cần áp dụng các quy định của pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản để giải quyết vụ việc trên.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết:* Vụ việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và bị đơn bà Trần Thị H có địa chỉ: Xóm Đ, xã Chiềng H, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La nên thẩm quyền giải quyết vụ việc tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung tranh chấp:* Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Vũ Hồng C vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu buộc bà Trần Thị H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại là 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng), bà T không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên. Căn cứ vào các chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản (vay tiền) giữa ông Vũ Hồng C và bà Trần Thị H là có thực tế bởi lẽ giấy biên nhận vay tiền ngày 27/4/2015 thể hiện điều đó, hơn nữa tại bản tự khai, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà Trần Thị H xác nhận có vay tiền của ông Vũ Hồng C 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và hứa sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) từ tháng 1 năm 2016 trở đi cho đến khi trả hết số nợ trên và thực tế bà H cũng đã thực hiện được 03 lần trả nợ cho ông C với số tiền 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), còn lại số tiền là 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Như vậy Nguyên đơn ông Vũ Hồng C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ lại cho ông C 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng) là có căn cứ.

Tại phiên tòa bà Trần Thị H nêu ra, tại sao bà không trả nốt số tiền còn nợ lại 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng) là vì khi đến nhà bà H để đòi nợ bà Nguyễn Thị Kim T đã có lời lẽ, chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà H nên bà H không trả. Bà H yêu cầu Tòa án xác định bà Nguyễn Thị Kim T phải bồi thường danh dự nhân phẩm cho bà H sau đó mới tính đến việc bà H phải trả nợ cho ông C, bà T. Vấn đề mà bà Trần Thị H nêu ra tòa thấy rằng:

Tòa án nhân dân huyện Yên Châu đã có thông báo số: 02/2019/TB-TA ngày 14/3/2019 yêu cầu bà H cung cấp chứng cứ việc bà T chửi bới xúc phạm đến danh

dự, nhân phẩm, uy tín của bà nhưng bà H không cung cấp cho Tòa án việc bà T xúc phạm đến bà H gây thiệt về vật chất, lẫn tinh thần của bà H để Tòa án có căn cứ để xem xét yêu cầu trên. Để làm rõ thêm việc bà H nêu ra ý kiến đề nghị như vậy, Tòa án huyện Yên Châu đã điều tra, xác minh bằng cách gặp những người mà bà H cho rằng họ biết việc bà T chửi bới xúc phạm đến danh dự của bà H. Qua xác minh cho thấy tại các biên bản xác minh ngày 07/5/2019, ngày 10/5/2019 do Tòa án lập đều xác định họ không hề biết việc bà Nguyễn Thị Kim T đến nhà bà Trần Thị H chửi bới xúc phạm làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín như bà H đã trình bày tại Tòa án. Như vậy trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị H không chứng minh được việc bà Nguyễn Thị Kim T khi đến đòi nợ đã có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà H gây thiệt hại cho bà H. Do đó Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Từ những nhận định trên đây Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xác định ông Vũ Hồng C người đại diện là bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H phải trả số nợ gốc 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận. Về lãi suất trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông C và người đại diện bà T chỉ yêu cầu bà H trả nợ gốc còn lại 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng), chứ không đề nghị tính lãi, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên và buộc bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả số nợ gốc cho nguyên đơn 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Còn việc bà Trần Thị H đề nghị bà Nguyễn Thị Kim T bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bà H tại phiên tòa hôm nay không có căn cứ để giải quyết, Hội đồng xét xử tách phần yêu cầu trên của bà H ra giải quyết sau bằng vụ án khác, nếu bà H có căn cứ và đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Vũ Hồng C (Người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Kim T) không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Do vậy số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 39, Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Hồng C, người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim T. Buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Vũ Hồng C số tiền nợ gốc 17.200.000đ (Mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

“ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 860.000đ (Tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Vũ Hồng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 430.000 (Bốn trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2013/ ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông Vũ Hồng C người đại diện là bà Nguyễn Thị Kim T, bà Trần Thị H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát huyện Yên Châu;
- Thi hành án dân sự huyện Yên Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Văn Bình